

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn
- Địa chỉ: Phố Hạ Sơn- Thị Trấn Thanh Sơn – Huyện Thanh Sơn- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 4.099 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Suối Dông.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Lê Đức Quân
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Thanh Sơn.

Mẫu 2: Trung tâm y tế huyện Thanh Sơn - XNCN Thanh Sơn.

Mẫu 3: Ông Tiến –Khu 8 – Giáp Lai- XNCN Thanh Sơn.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Coliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,68	0,48	0,36	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,28	0,32	0,35	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,60	5,80	6,00	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,30	7,35	7,36	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

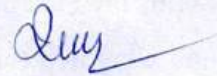
-Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Sơn, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Lê Đức Quân

MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



BÁO CÁO

Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

A. THÔNG TIN CHUNG

- 1. Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp Cấp nước Trung Nghĩa
2. Địa chỉ: Khu 1 - Đồng Trung - Thanh Thủy - Phú Thọ
3. Công suất thiết kế: 7200 m3/ ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 9.630 khách hàng.
4. Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Đà
5. Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024
6. Người kiểm tra: Nguyễn Thị Hồng Phương.
7. Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Trung Nghĩa.

Mẫu 2: Ông Lung - Khu 18 - Hoàng Xá - XNCN Trung Nghĩa.

Mẫu 3: Ông Sơn - khu 7 - Trung Nghĩa - XNCN Trung Nghĩa

B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng nước

C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Table with 7 columns: TT, Mã số mẫu, lấy mẫu, 1, 2, 3, Giới hạn tối đa cho phép, and Đánh giá (đạt/không đạt). Rows include parameters like Coliform, E.Coli, Clo dư tự do, Độ đục, Màu sắc, Mùi, vị, and pH.

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có) :** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Đông Trung, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**



Nguyễn Thị Hồng Phương

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Đoàn Hùng.
- Địa chỉ: Xã Phú Lâm – Huyện Đoàn Hùng - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ. Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 2.114 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- SôngChảy.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Phạm Hồng Trường.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Đoàn Hùng.  
Mẫu 2: Bệnh viện đa khoa Hùng Vương – Chí Đám – XNCN Đoàn Hùng.  
Mẫu 3: Nguyễn Xuân Tùng – Khu 6 - Phú Lâm - XNCN Đoàn Hùng.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,78	0,30	0,50	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,23	0,25	0,26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	5,00	5,30	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,40	7,48	7,45	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

-Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Doan Hùng, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Trương*

Phạm Hồng Trương

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tề Lễ
- Địa chỉ: Khu 1 – Xã Tề Lễ – Huyện Tam Nông - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 2000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 542 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Búra.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Trần Minh Đông.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Tề Lễ.

Mẫu 2: Ông Lâm – Khu 9 – Đồng Lương – XNCN Tề Lễ.

Mẫu 3: Bà Liên – Khu 1 – Tề Lễ - XNCN Tề Lễ.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,62	0,25	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,30	0,32	0,35	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,50	5,80	6,20	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,50	7,58	7,60	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Tam Nông, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Trần Minh Đông



## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Tân Sơn.
- Địa chỉ: Khu 4 – xã Tân Phú- huyện Tân Sơn - tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 4.500 m<sup>3</sup>/ngđ/ Tổng số HGD được cung cấp nước: 4800 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- SôngBứa.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Hoàng Thị Thanh Xuân.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa XNCN Tân Sơn.

Mẫu2: Trường tiểu học Mỹ Thuận - XNCN Tân Sơn.

Mẫu 3: Trường mầm non Tân Phú – Tân Sơn – XNCN Tân Sơn

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,66	0,30	0,50	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,24	0,28	0,25	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,90	5,50	5,20	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,40	7,44	7,45	6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo quyết định số 1921/QĐ-UBND của UBND Tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**E. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Tân Sơn, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Xuân*

Hoàng Thị Thanh Xuân



## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)

### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Yên Lập.
- Địa chỉ: Thôn Móc Thiều- Xã Thượng Long- Huyện Yên Lập- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 2.000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 1.351 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Hồ Ly.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyết Nhung.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Yên Lập.  
Mẫu 2: Ông Hậu – Đồng Thịnh - XNCN Yên Lập.  
Mẫu 3: Ông Trà – TT Yên Lập - XNCN Yên Lập.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,70	0,28	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,28	0,30	0,32	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,20	5,80	6,02	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,20	7,28	7,26	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

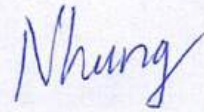
- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Yên Lập, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyết Nhung

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.
- Địa chỉ: Khu Đông Viên – Thị trấn Cẩm Khê - Huyện Cẩm Khê - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 18.000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 13.005 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Quang Tuấn.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Cẩm Khê.

Mẫu 2: Nguyễn Xuân Thái –Khu 3 – Hiền Đa - XNCN Cẩm Khê.

Mẫu 3: Nguyễn Chí Thanh – Khu 7 – Cát Trù - XNCN Cẩm Khê.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	<b>Các thông số</b>					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,66	0,28	0,30	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,23	0,25	0,28	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,48	5,60	5,80	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,60	7,62	7,65	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

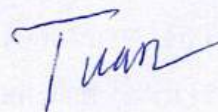
- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Cẩm Khê, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Quang Tuấn

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.
- Địa chỉ: Khu 10 - Thị Trấn Phong Châu – Huyện Phù Ninh - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 20.000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 15.952 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Hà Thị Mai
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp cấp nước Phù Ninh.

Mẫu 2: Bà Hà Thị Thu – Khu 3 – Hạ Giáp – XNCN Phù Ninh.

Mẫu 3: Bà Thạch – Khu Núi Trang – TT Phong Châu – XNCN Phù Ninh.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá
						(đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,68	0,32	0,58	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,25	0,23	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,10	5,30	5,20	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,40	7,46	7,45	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Phù Ninh, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



Hà Thị Mai



## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Ba
- Địa chỉ: Khu 11- Thị trấn Thanh Ba – Huyện Thanh Ba - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 6000 m<sup>3</sup>/ngđ. Tổng số HGD được cung cấp nước: 9.688 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024
- Người kiểm tra: Mai Xuân Thắng
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa Trạm Phương Linh – XNCN Thanh Ba.

Mẫu 2: Ông Nguyễn Bá Quảng - Mạn Lạn - XNCN Thanh Ba.

Mẫu 3: Ông Hồ Đức Thiện – Khu 2- TT Thanh Ba- XNCN Thanh Ba

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số				Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	2	3		
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,70	0,36	0,52	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,23	0,25	0,25	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,20	5,50	5,52	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,65	7,68	7,70	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Ba, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Mai Xuân Thắng

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.
- Địa chỉ: Khu 1- Thị trấn Hạ Hòa – Huyện Hạ Hòa - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 3000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 1.460 khách hàng.
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông Hồng.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Ngọc Hùng.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa tại xí nghiệp cấp nước Hạ Hòa.

Mẫu 2: Nguyễn Văn Phương – Khu 7 - TT Hạ Hòa- XNCN Hạ Hòa.

Mẫu 3: Nguyễn Tiên Quân – Khu 10 - TT Hạ Hòa - XNCN Hạ Hòa.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá
						(đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,72	0,50	0,48	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,23	0,25	0,26	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,20	5,50	5,60	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,58	7,60	7,60	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

Hạ Hòa, ngày 15 tháng 10 năm 2024

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Ngọc Hùng

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Thanh Thủy.
- Địa chỉ: Khu 1- xã Xuân Lộc – huyện Thanh Thủy - Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 16.000 m<sup>3</sup>/ngđ / Tổng số HGD được cung cấp nước: 11.516 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Đà.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Lê Thị Hạnh
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:  
Mẫu 1: Bể chứa XNCN Thanh Thủy.

Mẫu 2: Công ty Takao Cranite - XNCN Thanh Thủy

Mẫu 3: Ông Trực – khu 4 – Xuân Lộc - XNCN Thanh Thủy .

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
	Các thông số					
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**) (mg/L)	0,65	0,28	0,50	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,22	0,25	0,24	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	5,00	5,60	5,20	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,42	7,50	7,48	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Thanh Thủy, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

*Hạnh*

Lê Thị Hạnh

## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ - Cty CP cấp nước Phú Thọ
- Địa chỉ: Phố Cao Du - Phường Âu Cơ - Thị xã Phú Thọ - Phú Thọ
- Công suất thiết kế: 26.000 m<sup>3</sup>/ngày đêm. Tổng số HGD được cung cấp nước: 18.883 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt - Sông hồng
- Thời gian kiểm tra: Ngày 15 tháng 10 năm 2024
- Người kiểm tra: Nguyễn Đức Thắng
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa nước sạch - Xí nghiệp cấp nước Phú Thọ

Mẫu 2: Trường THCS Hùng Vương – Thị xã Phú Thọ - XNCN Phú Thọ

Mẫu 3: Ông Dũng – Khu Thanh Bình – Thanh Vinh - XNCN Phú Thọ.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

TT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
		1	KPH	KPH		
2	<i>E.Coli</i> hoặc <i>Conliform</i> chịu nhiệt (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3	Clo dư tự do (**) (mg/l)	0,70	0,32	0,40	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4	Độ đục (NTU)	0,28	0,30	0,29	2	Đạt
5	Màu sắc (TCU)	5,50	5,86	5,80	15	Đạt
6	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7	pH	7,65	7,68	7,66	Trong khoảng 6,0- 8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.

- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.

- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023.

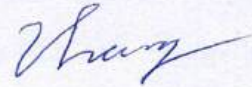
**D. CÁC BIỆN PHÁP KHÁC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Phú Thọ, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**

(Ký, ghi rõ họ tên)



*Nguyễn Đức Thắng*



## MẪU SỐ 05

(Ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Y tế)



### BÁO CÁO

#### Kết quả nội kiểm chất lượng nước sạch

(Dùng cho đơn vị cấp nước trong từng lần nội kiểm)

#### A. THÔNG TIN CHUNG

- Tên đơn vị cấp nước: Xí nghiệp nước sạch Việt Trì.
- Địa chỉ: Khu 1- Phường Dữu Lâu- Thành phố Việt Trì- Tỉnh Phú Thọ.
- Công suất thiết kế: 80.000 m<sup>3</sup>/ngđ/ Tổng số HGĐ được cung cấp nước: 57.320 khách hàng
- Nguồn nước nguyên liệu (ghi cụ thể): Nước mặt- Sông Lô.
- Thời gian kiểm tra: ngày 15 tháng 10 năm 2024.
- Người kiểm tra: Nguyễn Thị Tuyền.
- Số mẫu và vị trí lấy mẫu nước:

Mẫu 1: Bể chứa xí nghiệp nước sạch Việt Trì.

Mẫu 2: Trường tiểu học Tân Dân- XNNS Việt Trì.

Mẫu 3: Bà Lan – Khu 5 –Bạch Hạc - XNNS Việt Trì.

Mẫu 4: Ông Văn – khu 1 – Phường Lâu - XNNS Việt Trì.

#### B. HỒ SƠ THEO DÕI, QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NƯỚC

- Sổ theo dõi, sổ quản lý dữ liệu, phiếu đánh giá chất lượng.

#### C. KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

STT	Mã số mẫu, lấy mẫu Các thông số	1	2	3	4	Giới hạn tối đa cho phép	Đánh giá (đạt/không đạt)
1.	Coliform (CFU/100 ml)	KPH	KPH	KPH	KPH	<3	Đạt
2.	E.Coli hoặc Conliform chịu nhiệt (CFU/100 mL)	KPH	KPH	KPH	KPH	<1	Đạt
3.	Clo dư tự do (**)(mg/L)	0,65	0,60	0,40	0,58	Trong khoảng 0,2-1,0	Đạt
4.	Độ đục (NTU)	0,20	0,20	0,23	0,21	2	Đạt
5.	Màu sắc (TCU)	4,80	4,80	5,20	5,00	15	Đạt
6.	Mùi, vị	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Không có mùi, vị lạ	Đạt
7.	pH	7,50	7,52	7,56	7,52	Trong khoảng 6,0-8,5	Đạt

- Dấu (\*) chỉ áp dụng cho đơn vị cấp nước khai thác nước ngầm.
- Dấu (\*\*) chỉ áp dụng cho các đơn vị cấp nước sử dụng Clo làm phương pháp khử trùng.
- Kết quả phân tích các chỉ tiêu trên đạt kết quả theo Quyết định số :1921/QĐ-UBND của UBND tỉnh Phú Thọ ngày 12/09/2023

**D. CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC (nếu có):** Không

**Đ. ĐỀ NGHỊ:** Không

*Việt Trì, ngày 15 tháng 10 năm 2024*

**Người kiểm tra**  
(Ký, ghi rõ họ tên)



Nguyễn Thị Tuyên